

Bản án số: 33/2021/DS-PT
Ngày 26-8-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch T; địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 03-4-2020*) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị Ly N; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ngô Văn P; địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Ông Phan Văn N; địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị B; địa chỉ: Tổ 03, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Bà Lương Thị Th; địa chỉ: Tổ 04, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

5. Bà Trần Thị Kim C; địa chỉ: Tổ 03, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 18-3-2017, bà Nguyễn Thị Bạch T cho bà Lê Thị H vay 22.000.000 đồng, bà H viết giấy vay tiền hạn cứ 10 ngày sẽ thanh toán 5.000.000 đồng. Ngày 10-12-2018, bà T tiếp tục cho bà H vay thêm 22.000.000 đồng, bà H viết giấy vay tiền và hứa trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, tuy nhiên bà H không trả đúng hạn như đã hứa. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả khoản gốc của 02 lần vay là 44.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Ngày 15-4-2021, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng trong giấy vay tiền năm 2017 do bà H đã trả số tiền này (*thông qua bà Lâm Thị Ly N được bà T ủy quyền đi đòi thay*) và đề nghị tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Ngày 10-12-2018, bà có viết giấy vay của bà T số tiền 22.000.000 đồng, thời hạn vay 22 ngày nhưng thực tế bà chỉ nhận 20.000.000 đồng. Số tiền trên bà đã trả đủ cho bà T hai lần, lần đầu trả 7.000.000 đồng tại quán của bà tọa lạc tại thị trấn K, lần hai bà nhờ ông Ngô Văn P chuyển trả 15.000.000 đồng cho bà Lâm Thị Ly N (*bà T ủy quyền cho bà N đi đòi nợ thay*). Đối với Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017 không phải do bà viết mà bà T là người viết thêm vào chữ số “2017”. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà phải trả số tiền 7.000.000 đồng vay năm 2017 và 22.000.000 đồng vay năm 2018.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Ly N trình bày: Bà T có ủy quyền cho bà đòi nợ của bà H số tiền 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2019. Bà đã trực tiếp đi đòi nhiều lần và bà H đã chuyển khoản trả cho bà tổng số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền này bà đang giữ và đã thỏa thuận với bà T là sẽ trả cho bà T sau.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- Ông Ngô Văn P: Ông thường xuyên chở hàng cho bà H từ năm 2017 đến nay. Ông không biết việc bà T cho bà H vay tiền nhưng có biết việc bà T và bà N đòi tiền bà H, trong đó có hai lần ông báo cho Công an thị trấn K xuống làm việc. Bà H đã nhờ ông chuyển tiền cho bà N nhiều lần, cụ thể: Ngày 17-7-2019 chuyển 2.000.000 đồng; ngày 31-3-2019 chuyển 2.000.000 đồng; ngày 25-6-2019 chuyển 3.000.000 đồng; ngày 05-7-2019 chuyển 2.500.000 đồng; ngày 27-11-2019 chuyển 2.500.000 đồng, các lần chuyển tiền này ông đều lưu tin nhắn;

một lần chuyển 3.000.000 đồng ông không còn lưu tin nhắn trong điện thoại; tổng số tiền ông đã chuyển cho bà N là 15.000.000 đồng.

- Ông Phan Văn N: Khoảng cuối năm 2018, ông đang làm cán bộ Công an thị trấn K, huyện Đ thì bà T đến đòi tiền bà H và làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên Công an thị trấn K mời bà T và bà H lên làm việc. Qua làm việc xác định bà H có vay của bà T 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ năm 2018 nhưng bà H đã trả cho bà T 7.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng bà H hứa đến ngày 28 Tết sẽ trả cho bà T 10.000.000 đồng, qua năm 2019 sẽ trả hết 5.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên, việc bà H giao tiền cho bà T lúc nào thì ông không biết.

- Bà Trần Thị B, bà Lương Thị Th, bà Trần Thị Kim C: Các bà cùng buôn bán tại chợ G với bà T và có nghe bà T kể lại khoảng năm 2016, bà T cho bà H vay số tiền 22.000.000 đồng nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả. Các bà không trực tiếp chứng kiến việc vay mượn này mà chỉ nghe bà T kể lại.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 11-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H phải trả cho bà T 8.709.400 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 10-12-2018, gồm 7.000.000 đồng tiền gốc và 1.709.400 đồng tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà H phải trả số tiền 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ghi ngày 18-3-2017; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-6-2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017; bà T là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà T phải chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà M về việc buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ngày 18-

3-2017; chấp nhận một phần kháng cáo của bà M về việc miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị M nộp trong thời hạn luật định. Bà M là người kháng cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại thông báo miễn tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà T là không phù hợp. Tuy nhiên, do bà M cũng là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí nên được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị M; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[2.1]. Đối với kháng cáo yêu cầu bà H phải trả cho bà T số tiền 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1]. Bà T cung cấp giấy viết tay ngày 18-12-2018 thể hiện bà H mượn của bà T số tiền 22.000.000 đồng. Bà H thừa nhận điều này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2]. Đối với Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017 do bà T cung cấp thể hiện bà H mượn của bà T 22.000.000 đồng và hẹn trả thành 04 lần: Ngày 28-3-DL trả 5.000.000 đồng; ngày 08-4-DL trả 5.000.000 đồng; ngày 18-4-DL trả 5.000.000 đồng; ngày 28-4-DL trả 7.000.000 đồng, bà H không thừa nhận điều này mà cho rằng giấy này được viết vào ngày 18-3-2019, mục đích để hẹn lại thời gian thanh toán của khoản vay ngày 18-12-2018, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cung cấp Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2019 thể hiện bà H thiếu của bà T 22.000.000 đồng và hẹn trả thành 04 lần: Ngày 28-3-DL trả 5.000.000 đồng; ngày 8-4-DL trả 5.000.000 đồng; ngày 18-4-DL trả 5.000.000 đồng; ngày 28-4-DL trả 7.000.000 đồng. Như vậy, nội dung của 02 Giấy hẹn nợ năm 2017 và năm 2019 giống nhau về tiêu đề, số tiền và thời hạn trả nợ.

Tại Kết luận giám định số: 17/GĐTL-PC09 ngày 22-02-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: “*Chữ số “2017” trong Giấy hẹn nợ 18-3-DL2017 là chữ số điền thêm*”.

Mặt khác, Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017 có nội dung: “*Tôi Lê Thị H đang bán tại chợ K*”. Tuy nhiên, bà H cung cấp Hợp đồng thuê nhà thể hiện ngày 01-01-2018, bà H mới bắt đầu thuê nhà của bà Nguyễn Thị H tọa lạc tại tổ dân phố 01, thị trấn K và Đơn xin xác nhận đề ngày 11-6-2021 có chữ ký của một số hộ dân về việc bà H bắt đầu sinh sống tại thị trấn K từ năm 2018. Đồng thời, căn cứ Danh sách đăng ký tạm trú của Công an thị trấn K thì ngày 01-6-2018, bà H mới đăng ký tạm trú tại địa phương.

Tại phiên tòa, bà M đề nghị bổ sung một số người làm chứng gồm bà Trần Thị B, bà Lương Thị Th, bà Trần Thị Kim C và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, bà B, bà Th và bà C không trực tiếp chứng kiến việc bà H vay tiền của bà T theo Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017 mà chỉ nghe bà T kể lại. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của những người làm chứng này.

Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ khẳng định Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017 và Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2019 thực chất là cùng một nội dung được viết thành 02 bản vào thời điểm ngày 18-3-2019 và là giấy bà H hẹn lại thời gian trả nợ cho bà T đối với khoản vay 22.000.000 đồng ngày 18-12-2018. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M về việc buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 22.000.000 đồng theo Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017.

[2.2]. Đối với kháng cáo cho rằng bà T là người cao tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà T phải chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T sinh năm 1947, tại thời điểm xét xử sơ thẩm bà T 74 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T thuộc diện được miễn án phí nhưng phải có đơn đề nghị gửi cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có đơn đề nghị miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bà M làm đơn xin miễn án phí cho bà T (*có chữ ký của bà T ở cuối đơn*). Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

[2.3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị M về việc buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*) theo Giấy hẹn nợ ngày 18-3-2017.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị M, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Bạch T. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền 1.100.000đ (*một triệu một trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000161 ngày 08-5-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bà Phạm Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ Hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Bùi Danh Đại